

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2021/DS-ST

Ngày: 24/8/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu T

Ông Lê Văn D

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hiền B - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị B - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2021/TLST - DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2021/QĐXXST-DS ngày 20/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2021/QĐST-DS ngày 05/8/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng ĐT

Địa chỉ: 35 H, Quận H, H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T - Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C - Giám đốc Ngân hàng ĐT chi nhánh G.

Ông Chương ủy quyền cho ông Trương Văn P - Giám đốc Phòng giao dịch Đ tham gia tố tụng. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Đỗ Văn H**, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị P**, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Thôn 5, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện các bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng ĐT trình bày: Ngày 06/12/2018, ông Đỗ Văn H ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11880048/HĐTD với Ngân hàng ĐT để vay số tiền 550.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn chăn nuôi bò; thời hạn vay 11 tháng (từ ngày 06/12/2018 đến ngày 06/11/2019); lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng 01 lần với lãi

suất cho vay ban đầu là 10,6%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm.

Để đảm bảo khoản vay, ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/11880048/HĐTC ngày 04/12/2018, được công chứng ngày 05/12/2018 tại Văn phòng Công chứng Đ, tỉnh G và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh huyện Đ theo đúng quy định của pháp luật các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 318, tờ bản đồ số 33, có diện tích đất qua đo đạc thực tế là 2099,5 m², địa chỉ lô đất tại: Thôn TL, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 135067 do UBND huyện Đ cấp ngày 06/01/2015 cho ông Trần Anh T và bà Huỳnh Thị C. Ngày 30/11/2018 chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P theo Hồ sơ số 007201.CN.289.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 40, có diện tích 3708,0 m², địa chỉ lô đất là tại: Làng B, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 330698 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 27/7/2018 cho bà Đỗ Thị Th. Ngày 30/11/2018 chuyển nhượng cho ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P theo Hồ sơ số 007201.CN.288.

Từ ngày 17/11/2019 đến nay, ông H và bà P không tiếp tục thực hiện việc trả gốc và lãi theo đúng cam kết đã thỏa thuận mặc dù Ngân hàng đã thông báo, mời làm việc nhiều lần, do đó, toàn bộ số tiền vay của ông H, bà P tại Hợp đồng cho vay nói trên đã bị quá hạn.

Vì vậy, Ngân hàng ĐT khởi kiện yêu cầu giải quyết: Buộc ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ĐT tổng số tiền là 692.216.439 đồng (*Sáu trăm chín mươi hai triệu hai trăm mười sáu ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 550.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 107.242.466 đồng và lãi quá hạn là 34.973.973 đồng.

Trường hợp ông H và bà P không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/11880048/HĐTC ngày 04/12/2018 mà ông H, bà P đã ký kết với Ngân hàng để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ việc niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn là ông Đỗ Văn H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P đến tham gia tố tụng nhưng ông H và bà P không có mặt vì vậy hồ sơ vụ án không có lời trình bày của ông H và bà P.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H và bà P phải liên đới trả cho nguyên đơn tổng số tiền là

692.216.439 đồng. Trường hợp ông H và bà P không thực hiện trả nợ được thì nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản của ông H và bà P đã thế chấp để thu hồi nợ; Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là ông Đỗ Văn Phú và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị P. Tuy nhiên, ông H và bà P không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa, tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà P.

[2] Về nội dung: Ngày 06/12/2018, ông Đỗ Văn H ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2018/11880048/HĐTD với Ngân hàng ĐT để vay số tiền 550.000.000 đồng; mục đích vay: bổ sung vốn chăn nuôi bò; thời hạn vay 11 tháng (từ ngày 06/12/2018 đến ngày 06/11/2019); lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng 01 lần với lãi suất cho vay ban đầu là 10,6%/năm; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; lãi suất chậm trả là 10%/năm.

Để đảm bảo khoản vay, ông Đỗ Văn H và vợ ông H là bà Trần Thị P đã thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/11880048/HĐTC ngày 04/12/2018, được công chứng ngày 05/12/2018 tại Văn phòng Công chứng Đ, tỉnh G và đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh huyện Đ theo đúng quy định của pháp luật các tài sản sau:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 318, tờ bản đồ số 33, có diện tích đất qua đo đạc thực tế là 2099,5 m², địa chỉ lô đất tại: Thôn TL, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 135067 do UBND huyện Đ cấp ngày 06/01/2015 cho ông Trần Anh T và bà Huỳnh Thị C. Ngày 30/11/2018 đã chuyển nhượng sang tên toàn bộ cho ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P theo Hồ sơ số 007201.CN.289.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 40, có diện tích 3708,0 m², địa chỉ lô đất là tại: Làng B, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 330698 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 27/7/2018 cho bà Đỗ Thị Th. Ngày 30/11/2018 đã chuyển nhượng sang tên toàn bộ cho ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P theo Hồ sơ số 007201.CN.288.

Từ ngày 17/11/2019 đến nay, ông H và bà P không tiếp tục thực hiện việc trả gốc và lãi theo đúng cam kết đã thỏa thuận mặc dù Ngân hàng đã thông báo, mời làm việc nhiều lần, do đó, toàn bộ số tiền vay của ông H, bà P tại Hợp đồng cho vay nói trên đã bị quá hạn.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng ĐT tổng số tiền là 692.216.439 đồng (*Sáu trăm chín mươi hai triệu hai trăm mười sáu ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 550.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 107.242.466 đồng và lãi quá hạn là 34.973.973 đồng; Trường hợp ông H và bà P không thể tự trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc ông H và bà P phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 5.000.000 đồng.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông H và bà P phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Các Điều 90, 91, Điều 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ĐT.

Buộc ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P phải liên đới trả cho Ngân hàng ĐT tổng số tiền tổng số tiền còn nợ là 692.216.439 đồng (*Sáu trăm chín mươi hai triệu hai trăm mười sáu ngàn bốn trăm ba mươi chín đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 550.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 107.242.466 đồng và lãi quá hạn là 34.973.973 đồng.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định

của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Trường hợp ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng ĐT thì Ngân hàng ĐT có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2018/11880048/HĐTC ngày 04/12/2018 để thu hồi nợ, cụ thể:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 318, tờ bản đồ số 33, có diện tích đất qua đo đạc thực tế là 2099,5 m², địa chỉ lô đất tại: Thôn TL, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BX 135067 do UBND huyện Đ cấp ngày 06/01/2015 cho ông Trần Anh T và bà Huỳnh Thị C. Ngày 30/11/2018 đã chuyển nhượng sang tên toàn bộ cho ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P theo hồ sơ số 007201.CN.289.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại Thửa đất số 222, tờ bản đồ số 40, có diện tích 3708,0 m², địa chỉ lô đất là tại: Làng B, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 330698 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh G cấp ngày 27/7/2018 cho bà Đỗ Thị Th. Ngày 30/11/2018 đã chuyển nhượng sang tên toàn bộ cho ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P theo Hồ sơ số 007201.CN.288.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này. Buộc ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P phải trả lại cho Ngân hàng ĐT số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*).

4. Về án phí:

- Buộc ông Đỗ Văn H và bà Trần Thị P phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 31.688.658 đồng (*Ba mươi một triệu sáu trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm năm mươi tám đồng*).

- Hoàn trả lại cho Ngân hàng ĐT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.511.164 đồng (*Mười lăm triệu năm trăm mười một ngàn một trăm sáu mươi bốn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009608 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/8/2021), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H